TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS- ST
Ngày 16/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ.
Ông Nguyễn Văn Chấn.
-***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST- DS ngày 04/01/2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1978. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Phan Văn T, sinh năm 1964. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M và bà Hoàng Thị C không có họ hàng gì mà chỉ quen biết nhau. Năm 2022 bà M có cho bà C vay 02 lần tiền, bà không nhớ rõ ngày tháng cho vay, mỗi lần cho vay 100.000.000 đồng khi vay không lập biên bản giấy tờ gì vì bà C hỏi vay nóng nên bà cho vay. Sau một thời gian bà có đòi nhiều lần nhưng bà C không trả, đến này 03/01/2023 bà M chốt các lần vay và ghi giấy biên nhận với bà C. Tổng số bà C nợ bà M 200.000.000 đồng hai bên đã lập biên nhận và cùng ký. Trong biên nhận không thể hiện lãi suất và thời hạn trả tiền. Nay bà M yêu cầu bà C phải trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, và tự nguyện không yêu cầu bà C trả tiền lãi suất. Số tiền này là tài sản C của bà M và chồng là ông Phan Văn T.

Bị đơn bà Hoàng Thị C trình bày: Bà C và bà Nguyễn Thị M không có họ hàng gì mà chỉ quen biết nhau. Bà C làm nghề nấu rượu và chăn nuôi lợn, do thiếu vốn làm ăn nên ngày 03/01/2023 bà có vay của bà M số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), khi vay hai bên có viết biên nhận nhưng không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Sau khi vay mặc dù không thỏa thuận về lãi nhưng hàng tháng bà vẫn trả lãi cho bà M mỗi tháng 02%/1 tháng, khi trả tiền bà không lập văn bản gì mà chỉ đưa tay cho bà M, hiện tại bà cũng không nhớ rõ đã trả được bao nhiêu tháng lãi và trả đến thời gian nào. Do làm ăn bị thua lỗ nên bà không có khả năng trả lãi cho bà M nữa. Hiện tại bà vẫn nợ bà M 200.000.000 đồng tiền gốc. Nay bà M kiện yêu cầu bà trả bà nhất trí nhưng đề nghị bà M cho bà trả dần trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến hết năm 2026 (âm lịch) và nhất trí trả lãi 02%/1 tháng cho đến khi trả xong nợ gốc. Đối với số tiền này do bà tự đứng ra vay để làm ăn, chồng bà không liên quan vì đã ly hôn từ năm 2001.

Hiện tại gia đình bà không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T trình bày: Vợ chồng ông T, bà M và bà Hoàng Thị C không có họ hàng gì mà chỉ quen biết nhau. Năm 2022 vợ chồng ông có cho bà C vay 02 lần tiền, ông không nhớ rõ ngày tháng cho vay, mỗi lần cho vay 100.000.000 đồng khi vay không lập biên bản giấy tờ gì vì bà C hỏi vay nóng nên vợ chồng ông có cho vay. Sau một thời gian bà M (vợ ông) có đòi nhiều lần nhưng bà C không trả, đến này 03/01/2023 bà M chốt các lần vay và ghi giấy biên nhận với bà C. Tổng số bà C nợ vợ chồng ông 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hai bên đã lập biên nhận và cùng ký. Trong biên nhận không thể hiện lãi suất và thời hạn trả tiền. Nay ông yêu cầu bà C phải trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, ông tự nguyện không yêu cầu bà C trả tiền lãi suất. Số tiền này là tài sản C của ông và bà M.

Tại phiên tòa bà M, ông T, bà C vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà bà Nguyễn Thị M buộc bà Hoàng Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Án phí: Buộc bà Hoàng Thị C phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí DSST.

Trả lại bà Nguyễn Thị M số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Hoàng Thị C có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Nguyễn Thị M, bà Hoàng Thị C và ông Phan Văn T nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà M, bà C, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[3] Nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 03/01/2023 bà M cho ba C vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay hai bên đã lập biên nhận và cùng ký. Trong biên nhận không thể hiện lãi suất và thời hạn trả tiền. Nay bà M yêu cầu bà C phải trả số tiền 200.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Bà C thừa nhận nợ vợ chồng bà M số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và nhất trí trả bà M nhưng bà C đề nghị bà M, ông T cho bà C trả dần bắt đầu từ tháng 02/2024 đến hết năm 2026. Bà M không chấp nhận yêu cầu của bà C. Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa bà M và bà C là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên; giao dịch, thỏa thuận mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, bà C đã nhận được tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, buộc bà Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn T không yêu cầu tiền lãi suất đối với bà Hoàng Thị C nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị M được chấp nhận nên bà Hoàng Thị C phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật, cụ thể: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị M số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc bà Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị C phải chịu 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị M số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008022 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Lục Nam;
-CCTHADS huyện Lục Nam;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp